

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 5 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 1609/SLĐT BXH-BTXH&GN ngày 07/5/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để phục vụ cho công tác thanh tra. UBND thị xã Đức Phổ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

#### Phần 1: KHÁI QUÁT CHUNG VÀ KẾT QUẢ THỰC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(thời kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2022 đến quý I/2024)

#### I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Thị xã Đức Phổ nằm ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, phía Bắc giáp huyện Mộ Đức, phía Nam giáp thị xã Hoài Nhơn (tỉnh Bình Định), phía Tây giáp huyện Nghĩa Hành và huyện Ba Tơ, phía Đông giáp biển Đông. Hiện nay, thị xã có 15 đơn vị hành chính gồm 7 xã và 8 phường với diện tích tự nhiên 372,76 km<sup>2</sup>, dân số 150.601 người. Bên cạnh đó, đi qua địa bàn thị xã có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 24, đường sắt Bắc - Nam và có bờ biển dài trên 40 km với 02 cửa biển Sa Huỳnh, Mỹ Á là tiềm năng trong phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa với các vùng miền. Cơ cấu lực lượng lao động trên địa bàn thị xã phân theo 02 khu vực: thành thị và nông thôn.

- Năm 2024, Tổng số hộ dân trên địa bàn thị xã Đức Phổ là 40.959 hộ, trong đó số hộ nghèo 1.224 hộ (chiếm tỷ lệ 2,99%), số hộ cận nghèo 1.736 hộ (chiếm tỷ lệ 4,24%). Tổng số người trong độ tuổi lao động là 64.852 người và số người trong độ tuổi lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo 1.683 người.

- Dân cư trên địa bàn sống với nhiều ngành, nghề: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ; Nông - lâm - ngư - diêm nghiệp. Trong những năm qua, Đức Phổ không ngừng phấn đấu xây dựng cơ sở hạ tầng, đời sống kinh tế - xã hội ngày càng phát triển và đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập thị xã Đức Phổ trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số huyện Đức Phổ vào năm 2020.

#### II. VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

## QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

### 1. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn được phân bổ: Tổng nguồn vốn phân bổ là 11.269,15 triệu đồng (năm 2022: 2.097,150 triệu đồng; năm 2023: 2.752,6 triệu đồng; năm 2024: 6.419,400 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 9.917,739 triệu đồng (năm 2022: 1.823 triệu đồng; năm 2023: 2.391,739 triệu đồng; năm 2024: 5.703 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 1.351,411 triệu đồng (năm 2022: 274,15 triệu đồng; năm 2023: 360,861 triệu đồng; năm 2024: 716,4 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh là 1.010,574 triệu đồng, ngân sách thị xã là: 340,837 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).*

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện là 3.408,934 triệu đồng (năm 2022: 2.417,162 triệu đồng; năm 2023: 917,741 triệu đồng; năm 2024: 74,031 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.067,772 triệu đồng (năm 2022: 1.205,361 triệu đồng; năm 2023: 798,036 triệu đồng; năm 2024: 64,375 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 268,1188 triệu đồng (năm 2022: 138,7578 triệu đồng; năm 2023: 119,705 triệu đồng; năm 2024: 9,656 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 180,932 triệu đồng và ngân sách cấp huyện 87,186 triệu đồng.

+ Nguồn khác: 1.073,043 triệu đồng (năm 2022).

*(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).*

### 2. Kết quả thực hiện

#### 2.2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (dự án 2)

##### 2.2.3. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 1.939,376 triệu đồng (năm 2022: 1.939,262 triệu đồng; năm 2023: 32,114 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 755,925 triệu đồng (năm 2022: 728 triệu đồng; năm 2023: 27,925 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 110,408 triệu đồng (năm 2022: 106,219 triệu đồng; năm 2023: 4,189 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 75,793 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 34,615 triệu đồng,

+ Nguồn khác: 1.073,043 triệu đồng (năm 2022).

- Kết quả thực hiện (chi tiết theo từng năm):

\* **Năm 2022**, được triển khai tại phường Phổ Thạnh và xã Phổ Phong, cụ thể:

a) UBND phường Phổ Thạnh

- Thực hiện 02 dự án, với mô hình “*chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản*”. Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 20 hộ, gồm: 07 hộ nghèo, 12 hộ cận nghèo, 01 hộ khuyết tật chưa có sinh kế ổn định (có 08 thành viên là phụ nữ thuộc hộ nghèo);

- Đã giải ngân nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 418,286 triệu đồng, trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 17,786 triệu đồng; hoàn trả ngân sách thị xã số tiền 364.000 đồng. Mức hỗ trợ bình quân/hộ là 20,9143 triệu đồng, bao gồm các nội dung: Hỗ trợ giống (bò cái lai): 370 triệu đồng; hỗ trợ thức ăn tinh hỗn hợp: 36,436 triệu đồng; hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 7,45 triệu đồng và công tác thẩm định hồ sơ: 4,400 triệu đồng. Ngoài ra vốn dân đối ứng chuồng trại, thức ăn tinh, thức ăn xanh, tinh phối giống, thuốc sát trùng,...là: 332,729 triệu đồng.

#### b) UBND xã Phổ Phong

- Thực hiện 02 dự án, với mô hình “*chăn nuôi bò cái lai Zê Bu sinh sản*”, Tổng số đối tượng được hỗ trợ là 29 hộ hưởng lợi, trong đó: 08 hộ nghèo, 21 hộ cận nghèo (có 18 thành viên là phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo);

- Đã giải ngân nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 415,933 triệu đồng trong đó ngân sách TW: 364 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 36,5 triệu đồng, ngân sách thị xã: 17,433 triệu đồng; số tiền còn lại 2,767 triệu đồng đã hoàn trả ngân sách nhà nước. Hỗ trợ giống (bò cái lai): 401,24628 triệu đồng; hỗ trợ thức ăn tinh hỗn hợp: 8,4868 triệu đồng và công tác thẩm định giá, lập hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu...: 6,2 triệu đồng. Mức hỗ trợ bình quân/hộ là 14,3426 triệu đồng. Ngoài ra, vốn dân đối ứng chuồng trại, thức ăn tinh, thức ăn xanh, tinh phối giống, thuốc sát trùng,...là: 740,314 triệu đồng, trong đó có đối ứng bằng tiền mặt để mua giống (bò cái lai) là 124,4168 triệu đồng.

\* **Năm 2023**, được triển khai tại 04 địa phương: Phổ Châu, Phổ Khánh, Phổ Thuận và Phổ Nhơn, số lượng 100 con. Tổng kinh phí nhà nước đã giải ngân 32,114 triệu đồng, gồm hỗ trợ chi thẩm định giá, chi phí tổ chức lựa chọn đơn vị đấu thầu và tập huấn kỹ thuật sản xuất quản lý tiêu thụ sản phẩm. Nguồn kinh phí còn lại hiện nay đang trong giai đoạn thương thảo hợp đồng mua bò giao cho hộ dân tham gia dự án.

### **2.3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (dự án 4)**

#### **2.3.1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện 404,203 triệu đồng (năm 2022: 73,588 triệu đồng; năm 2023: 256,584 triệu đồng; năm 2024: 74,031 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 361,079 triệu đồng (năm 2022: 73,588 triệu đồng; năm 2023: 223,116 triệu đồng; năm 2024: 74,031 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 43,124 triệu đồng (năm 2022: 0 triệu đồng; năm 2023: 33,468 triệu đồng; năm 2024: 9,656 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 28,749 triệu và ngân sách cấp huyện: 14,375 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện, cụ thể:

+ Thực hiện năm 2023: Tổ chức tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho học sinh lớp 9, tổng đối tượng được hỗ trợ: 1.350 học sinh; số tiền hỗ trợ: 47,582 triệu đồng, trong đó kinh phí năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 26,588 triệu đồng); Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, tổng đối tượng được hỗ trợ: 1.247 người; số tiền hỗ trợ: 152,760 triệu đồng; In tờ rơi tuyên truyền định hướng nghề nghiệp, số tiền: 35 triệu đồng (kinh phí năm 2022 chuyển sang 2023); Tổ chức tham quan, hướng nghiệp gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh, tổng số học sinh tham gia: 59 học sinh; số tiền hỗ trợ: 12,393 triệu đồng; In 03 Pano tuyên truyền về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, số tiền: 70,4375 triệu đồng; Viết tin, bài về giáo dục nghề nghiệp (mang tính truyền thông, thông điệp), số tiền: 12 triệu đồng;

+ Năm 2024: Tổ chức Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, tổng đối tượng được hỗ trợ: 529 học sinh khối lớp 9 và khối 11,12 của trường THPT Số 2 Đức Phổ; số tiền hỗ trợ: 74,031 triệu đồng

### **2.3.3. Hỗ trợ việc làm bền vững**

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 728,943 triệu đồng (năm 2022: 284,887 triệu đồng; năm 2023: 444,056 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương 638,484 triệu đồng (năm 2022: 252,348 triệu đồng; năm 2023: 386,136 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương 90,459 triệu đồng (năm 2022: 32,539 triệu đồng; năm 2023: 57,92 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 60,306 triệu đồng và ngân sách cấp huyện 30,153 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Năm 2022, triển khai thực hiện công tác thu thập cập nhật thông tin người lao động theo Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH: 5.068 lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, với tổng kinh phí: 35,421 triệu đồng.

+ Năm 2023, triển khai thu thập cập nhật thông tin người lao động theo Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH đối với 47.368 lao động trên địa bàn thị xã Đức Phổ, với kinh phí: 693,521 triệu đồng, trong đó chi công tác tập huấn Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH là: 27,788 triệu đồng, chi phô tô Mẫu 03 theo Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH phục vụ công tác điều tra: 29,923 triệu đồng và chi hỗ trợ người điều tra và người cung cấp thông tin theo mẫu số 03 của Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH là: 635,811 triệu đồng.

### **2.4. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (tiểu dự án 2, dự án 6)**

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 44,217 triệu đồng (năm 2022: 18 triệu đồng; năm 2023: 26,217 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 40,797 triệu đồng (năm 2022: 18 triệu đồng; năm 2023: 22,797 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 3,4197 triệu đồng (năm 2023: 3,4197 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh: 2,27973 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 1,13997

triệu đồng.

- Kết quả thực hiện (chi tiết theo từng năm):

+ Năm 2022, thực hiện in 10.000 tờ rơi tuyên truyền công tác giảm nghèo, tổng kinh phí: 18 triệu đồng.

+ Năm 2023, tổ chức nói chuyện chuyên đề giảm nghèo tại cộng đồng dân cư tại 09 xã, phường, đối tượng tham dự gồm 380 hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, với tổng kinh phí: 15,820 triệu đồng và tổ chức Hội nghị "Đức Phổ chung tay vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau", với 145 đại biểu tham dự, với tổng kinh phí: 10,397 triệu đồng.

## **2.5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (dự án 7)**

### **2.5.1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 183,262 triệu đồng (năm 2022: 87,062 triệu đồng; năm 2023: 96,200 đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 170,715 triệu đồng (năm 2022: 87,062 triệu đồng; năm 2023: 83,653 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 12,547 triệu đồng (năm 2023: 12,547 triệu đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh 8,3646 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 4,1824 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Năm 2022, tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 300 cán bộ, công chức, điều tra viên Ban chỉ đạo cấp xã thực hiện giảm nghèo, với tổng kinh phí 33,426 triệu đồng và học tập kinh nghiệm tại Đà Nẵng, với tổng kinh phí là: 53,636 triệu đồng.

+ Năm 2023, tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 270 cán bộ, công chức, điều tra viên Ban chỉ đạo cấp xã thực hiện giảm nghèo, với tổng kinh phí 26,200 triệu đồng và học tập kinh nghiệm tại tỉnh Lâm Đồng, với tổng kinh phí 70 triệu đồng.

### **2.5.2. Giám sát, đánh giá**

- Tổng nguồn vốn đã thực hiện: 108,932 triệu đồng (năm 2022: 46,362 triệu đồng; năm 2023: 62,57 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 100,771 triệu đồng (năm 2022: 46,362 triệu đồng; năm 2023: 54,409 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 8,161 triệu đồng (năm 2023). Trong đó, ngân sách tỉnh: 5,440 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 2,720 triệu đồng

- Kết quả thực hiện (chi tiết theo từng năm và từng đơn vị, nội dung hỗ trợ).

+ Năm 2022, tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo cho 105 điều tra viên, với kinh phí: 22,608 triệu đồng; Tổ chức rà soát hộ nghèo cận nghèo, với kinh phí: 10,5 triệu đồng và Tổ chức giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, phường:

13,253 triệu đồng.

+ Năm 2023, tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo cho 350 điều tra viên, với kinh phí: 27,33 triệu đồng; tổ chức rà soát hộ nghèo cận nghèo, với kinh phí: 27,540 triệu đồng và tổ chức giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, phường: 7,7 triệu đồng

## **Phần 2. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG**

Hàng năm, UBND thị xã xây dựng kết hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại UBND các xã, phường trong 02 năm 2022 và 2023, UBND thị xã đã tổ chức 02 cuộc kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất nhằm thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

### **Phần 3. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Ưu điểm, kết quả đạt được.**

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn này thực hiện bao phủ, rộng khắp, đa chiều, bao trùm, mang tính tích hợp, mở rộng đối tượng, địa bàn thụ hưởng, quan tâm hơn đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương cần được hỗ trợ, chuyển mạnh từ hoạt động hỗ trợ sinh kế đơn thuần sang hỗ trợ các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tăng cường các hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm bền vững. Cơ chế thực hiện rộng, bao quát tất cả các địa bàn thị xã. Các Dự án và Tiểu dự án, hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo và nhiều nhóm đối tượng khác theo quy định đã tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận và sử dụng nguồn vốn hợp lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện đạt mục tiêu giảm nghèo.

#### **2. Tồn tại, hạn chế hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.**

- Việc giảm nghèo ngày càng khó khăn; kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo hàng năm đạt được chỉ tiêu giao song chưa thật sự bền vững.

- Việc giải ngân các dự án, tiểu dự án đạt thấp, đặc biệt là tiểu dự án 1 dự án 4; dự án 7 khó giải ngân hết kinh phí.

- Vẫn còn một số hộ nghèo, cận nghèo còn trông chờ ỷ lại các chính sách của Nhà nước nên không muốn thoát nghèo.

#### **3. Nguyên nhân.**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo hiện nay đa số là những hộ già yếu, bệnh tật,... không còn khả năng lao động hoặc hộ có khả năng lao động nhưng người phụ thuộc trong hộ lớn, gánh nặng chăm sóc cao; bên cạnh đó đa số hộ nghèo làm nông nghiệp nhưng điều kiện thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, giá cả không ổn định, đau ốm, bệnh tật, .... dẫn đến khả năng thoát nghèo bền vững là chưa cao

và nguy cơ tái nghèo, tái cận nghèo.

- Triển khai thực hiện Dự án 2, việc trao quyền cho cộng đồng dân cư cùng thực hiện, người viết dự án có trình độ giới hạn nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc xây dựng dự án.

- Việc thực hiện quay vòng vốn hỗ trợ là khó khăn đối với hộ nghèo.

### **3. Kiến nghị, đề xuất đối với công tác quản lý và việc sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách.**

- Cần có sự điều hành, phối hợp đồng bộ trong quá trình triển khai hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, tránh sự chồng chéo trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là việc hướng dẫn triển khai thực hiện từng chương trình, dự án cụ thể nhất là sự hướng dẫn cụ thể hoá từ cấp tỉnh để có sự đồng bộ triển khai thực hiện các dự án thống nhất hơn trên cùng địa bàn.

- Các ngành cấp trên cung cấp được dữ liệu thông tin thị trường và dự báo được các nhu cầu thị trường hàng năm và quy hoạch cụ thể cho từng vùng từ đó định hướng sản xuất hỗ trợ cho thụ hưởng chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

+ Nhiều chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo đã thụ hưởng trong các dự án triển khai trước đó nhưng chưa mang lại hiệu quả, cần có cơ chế để tiếp tục hỗ trợ cho các đối tượng này trong giai đoạn này để có nguồn lực thoát nghèo bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. UBND thị xã kính báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi theo dõi, tổng hợp./.

#### ***Nơi nhận:***

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng LĐ-TB&XH thị xã;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Thanh Hùng**